TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/KDTM-ST
Ngày: 27-5-2026.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Sỹ Định và bà Trần Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Huế tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2025/TLST-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N1 (A), địa chỉ: Số B L, phường G, thành phố H1.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N1, là người đại diện theo pháp luật.

+ Ông Trần Khắc T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 - Chi nhánh H; địa chỉ: Số A N, phường P, thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo - PC ngày 01/12/2022).

+ Bà Nguyễn Thị Kim N, chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng Ngân hàng N1 - Chi nhánh H; địa chỉ: Số A đường N, phường P, thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 08/UQ-TA ngày 25/5/2025); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1982 (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh L) và ông Nguyễn Bá S, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Số nhà B, đường Đ, phường P, thành phố H; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2025, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày nội dung khởi kiện như sau:

Ngày 04/10/2024, Ngân hàng N1 (gọi tắt là ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Nguyễn Bá S có ký kết hợp đồng tín dụng số: 4004-LAV-202401972. Theo đó, bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Nguyễn Bá S vay ngân hàng số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay dùng để bổ sung vốn kinh doanh.

Để đảm bảo cho khoản vay, bị đơn có đảm bảo thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số B85, diện tích: 176m^2 tại Khu Q phường P, thành phố H (nay là số nhà B đường Đ, phường P, thành phố H) theo Giấy CNQSD đất số AH 943516 do UBND huyện H (cũ) cấp ngày 02/6/2008, đăng ký biến động về chuyển quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Bá S và bà Nguyễn Thị Thanh L ngày 01/7/2019.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S hai lần (lần 1: Ngày 04/10/2024, lần 2: Ngày 09/10/2024, mỗi lần giải ngân 1.000.000.000 đồng) với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi vay tiền, bà L, ông S chỉ trả được 33.124.000 đồng tiền lãi, chưa trả khoản tiền gốc nào nên khoản vay theo hợp đồng đã quá hạn trả nợ.

Tính đến ngày 27/5/2026, bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S nợ ngân hàng tổng số tiền là 2.254.034.247 đồng, trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 180.041.095 đồng; nợ lãi quá hạn 73.993.151 đồng.

Mặc dù ngân hàng T1, nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà L và ông S trả nợ nhưng bà L và ông S vẫn không trả số tiền nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Do đó, yêu cầu Toà án buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh L (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh L) và ông Nguyễn Bá S có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho ngân hàng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo bản án của Tòa án thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bị đơn đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số B85, diện tích: 176m^2 tại Khu Q phường P, thành phố H (nay là số nhà B đường Đ, phường P, thành phố H) theo Giấy CNQSD đất số AH 943516 do Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) cấp ngày 02/6/2008, đăng ký biến động về chuyển quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Bá S và bà Nguyễn Thị Thanh L ngày 01/7/2019.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh L (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh L) và ông Nguyễn Bá S tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải của Tòa án trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng vay vốn với Ngân hàng N1 theo Hợp đồng tín dụng số 4004-LAV-202401972 ngày 04/10/2024 với số tiền vay là 2.000.000.000 đồng và mục đích, thời gian vay như ngân hàng khởi kiện.

Để đảm bảo cho khoản vay thì bà L và ông S thế chấp tài sản là nhà và đất tại thửa đất số B85, diện tích 176m^2 tại Khu Q phường P, thành phố H (nay là nhà đất tại số B đường Đ, phường P, thành phố H) theo Giấy CNQSD đất số AH 943516 do UBND huyện H (cũ) cấp ngày 02/6/2008, đăng ký biến động về chuyển quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Bá S và bà Nguyễn Thị Thanh L ngày 01/7/2019.

Nay ngân hàng khởi kiện, bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S nhận nghĩa vụ trả số tiền nợ cho ngân hàng theo quy định. Tuy nhiên, do điều kiện, hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn chưa trả được nợ cho ngân hàng và đề nghị ngân hàng xem xét tạo điều kiện có phương án cho bị đơn trả nợ dần.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, ảnh hưởng tiến độ giải quyết, xét xử vụ án. Tại phiên toà, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 tổng số tiền tính đến ngày 27/5/2026 là 2.254.034.247 đồng, trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 180.041.095 đồng; nợ lãi quá hạn 73.993.151 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 28/5/2026 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong khoản nợ; tuyên quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản.

Về chi phí tố tụng và án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[2]Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]Hợp đồng tín dụng số: 4004-LAV-202401972 ký kết ngày 04/10/2024 giữa nguyên đơn là Ngân hàng N1 với bị đơn là bà Nguyễn Thị

Thanh L (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh L) và ông Nguyễn Bá S có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp đồng tín dụng là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã thoả thuận trong hợp đồng.

[2.2]Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng N1 thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã tiến hành giải ngân khoản vay, bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S đã nhận tiền đủ số tiền 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến ngày 27/5/2026 ông Nguyễn Bá S và bà Nguyễn Thị Thanh L chỉ trả được 33.124.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Kể từ thời điểm ông S và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N1 đã thông báo và làm việc rất nhiều lần nhưng đến nay ông S và bà L vẫn không trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng.

[2.3]Bị đơn là Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng vay vốn 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) với Ngân hàng N1 theo Hợp đồng tín dụng số 4004-LAV-202401972 ngày 04/10/2024 như ngân hàng khởi kiện. Để bảo đảm cho khoản vay, bị đơn đã thế chấp tài sản là nhà và đất tại thửa đất số B85, diện tích 176m^2 tại Khu Q phường P, thành phố H (nay là số nhà B đường Đ, phường P, thành phố H) theo Giấy CNQSD đất số AH 943516 do UBND huyện H (cũ) cấp ngày 02/6/2008, đăng ký biến động về chuyển quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Bá S và bà Nguyễn Thị Thanh L ngày 01/7/2019. Do sau khi vay vốn kinh doanh thì công việc gặp khó khăn nên bị đơn không trả được nợ, đề nghị phía nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ theo phương án trả nhiều lần nhưng nguyên đơn không đồng ý.

[2.4]Do bị đơn là Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S thừa nhận nợ Ngân hàng N1 theo Hợp đồng tín dụng số 4004-LAV-202401972 ngày 04/10/2024 như ngân hàng yêu cầu nên đây cũng là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5]Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 buộc ông Nguyễn Bá S và bà Nguyễn Thị Thanh L phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm ngày 27/5/2026 với tổng số tiền là 2.254.034.247 đồng (nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 180.041.095 đồng; nợ lãi quá hạn 73.993.151 đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 28/5/2026 theo hợp đồng cho đến khi trả xong các khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng nên cần chấp nhận.

[2.6]Để bảo đảm cho khoản vay, bị đơn đã thế chấp tài sản là nhà và đất tại thửa đất số B85, diện tích 176m^2 tại Khu Q phường P, thành phố H (nay là số nhà B đường Đ, phường P, thành phố H) theo Giấy CNQSD đất số AH 943516 do UBND huyện H (cũ) cấp ngày 02/6/2008, đăng ký biến động về chuyển quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Bá S và bà Nguyễn Thị Thanh L ngày 01/7/2019. Xét hợp đồng thế chấp, đăng ký thế chấp tài sản đúng quy định nên trường hợp ông Nguyễn Bá S và bà Nguyễn Thị Thanh L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo bản án của Tòa án thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu

cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

[3]Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.600.000 đồng. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S phải chịu. Ngân hàng N1 đã nộp đủ nên ông S và bà L có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N1 số tiền 3.600.000 đồng.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Bá S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 288, 385, 401, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 99, 100, 107 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N1: Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh L (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh L) và ông Nguyễn Bá S phải liên đới trả cho Ngân hàng N1 số tiền: 2.254.034.247 đồng, trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 180.041.095 đồng; nợ lãi quá hạn 73.993.151 đồng.

Kể từ ngày 28/5/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, bà Nguyễn Thị Thanh L (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh L) và ông Nguyễn Bá S còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Thanh L (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh L) và ông Nguyễn Bá S vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo bản án của Tòa án thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bị đơn đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số B85, diện tích 176m^2 tại Khu Q phường P, thành phố H (nay là số nhà B, đường Đ, phường P, thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 943516 do UBND huyện H (cũ) cấp ngày 02/6/2008, đăng ký biến động về chuyển quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Bá S và bà Nguyễn Thị Thanh L ngày 01/7/2019.

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh L (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh L) và ông Nguyễn Bá S có nghĩa vụ liên đới hoàn trả

lại cho Ngân hàng N1 số tiền 3.600.000 đồng chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh L (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh L) và ông Nguyễn Bá S phải liên đới chịu 77.080.685 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn là Ngân hàng N1 37.266.164 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000952 ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Xuân Cầm